

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HSST
Ngày 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 17/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 19/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ sinh năm 1994; tại xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú xóm Ngoài, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm Thị, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Lưu Thị H; vợ Nguyễn Thị M và có 01 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Văn T sinh năm 1994; tại xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Ngoài, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị Q1; vợ con chưa có; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị N sinh năm 1971; địa chỉ phố 3, thị trấn Y1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị M1 sinh năm 1998; địa chỉ xóm Thị, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/5/2022 Đ điều khiển xe mô tô đi từ huyện Kim Sơn về nhà mình ở xã Y, huyện M; khi đi qua nhà chị N ở thị trấn Y1, huyện Y; thấy trước sân nhà chị N có 01 chậu cây hoa giấy, nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp cây hoa giấy của nhà chị N.

Khoảng 23 giờ ngày 21/5/2022 T đến nhà Đ chơi, Đ rủ T “Đi với tao nhổ cây này” T đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35K1-402.29 chở T sang thị trấn Y1, huyện Y. Khi đi đến nhà chị N, lúc ngày T biết Đ rủ đi trộm cắp cây hoa giấy. Đ dừng xe mô tô đi bộ đến chỗ cây hoa giấy, dùng tay kéo cây hoa giấy ra khỏi chậu; Đ và T cùng nhau bê cây hoa giấy lên yên xe mô tô; T điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau ôm cây hoa giấy về khu vực Cầu kênh thuộc địa phận phố Bàng Lân, thị trấn Y1; tại đây Đ dùng kéo cắt phần cành của cây hoa giấy để đỡ nặng và cồng kênh. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau ôm cây hoa giấy về nhà Đ ở xã Y, huyện M. Đ mang cây hoa giấy về để ở sân trước nhà Đ. Sau khi bị mất cây hoa giấy chị N đã trình báo với Công an thị trấn Y1.

Cơ quan điều tra Công an huyện Y, sau khi tiếp nhận nguồn tin tội phạm, đã tiến hành xác minh và làm việc với Đ, Đ thừa nhận cùng với T trộm cắp cây hoa giấy của nhà chị N và giao nộp 01 cây hoa giấy, 01 kéo cắt tỉa cành, 01 xe mô tô biển kiểm soát 35K1-402.29 và 01 đăng ký của xe mô tô.

Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Giá trị cây hoa giấy ngũ sắc, cao 2,2 mét, đường kính thân 08 cm, tán rộng 02 mét, khi còn nguyên vẹn tại thời điểm ngày 22/5/2022 là 10.000.000 đồng. Giá trị tại thời điểm hiện tại sau khi đã cắt là 8.500.000 đồng.

Cáo trạng số 46/CT-VKSYK ngày 16/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Đ và T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đ và T như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Đ và T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo T 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Trong thời gian cải tạo không giam giữ khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo. Tịch thu sung quỹ Nhà nước trị giá 1/2 của xe mô tô biển kiểm soát 35K1-402.29 phần của bị cáo Đ; trả lại cho chị M1 giá trị 1/2 của xe mô tô biển kiểm soát 35K1-402.29 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Đ.

Các bị cáo Đ và T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người liên quan, người làm chứng đều không có khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm, hành vi của các bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định.

Đêm ngày 21 rạng sáng ngày 22/5/2022 tại nhà chị N ở phố 3, thị trấn Y1; Đ và T đã lén lút nhổ và chiếm đoạt 01 cây hoa giấy của gia đình chị N, đang trồng trong chậu và để ở trước cửa nhà chị N, rồi mang về nhà Đ ở xã Y, huyện M. Theo kết luận định giá tài sản trị giá cây hoa giấy là 10.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Đ và T là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo Đ và T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo Đ và T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Đ là người khởi xướng và rủ bị cáo T cùng tham gia nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo T đồng phạm với vai trò giúp sức, nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ và T không có tình tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ các bị cáo Đ và T đều “Tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, năn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo” theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những tình tiết, phân tích nêu trên, thấy rằng: Các bị cáo Đ và T phạm tội ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo

dục các bị cáo và phòng ngừa chung; bị cáo Đ giữ vai trò thứ nhất nên mức hình phạt áp dụng đối với Đ cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với T. Các bị cáo Đ và T đều có 04 tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng.

Khấu trừ thu nhập hằng tháng của bị cáo Đ và bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo là 5% để tích thu sung quỹ Nhà nước.

Về phạt bổ sung, tại biên bản xác minh thể hiện các bị cáo Đ và T đều không có tài sản, nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đ và T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình chị N đã được các bị cáo Đ và T bồi thường thiệt hại, chị N không yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 cây hoa giấy; 01 kéo cắt tỉa cành; 01 xe mô tô Hoda Wave màu trắng đen bạc, số khung 3918KY361429, số máy JA39E1228521 biển kiểm soát 35K1-402.29 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 040699 mang tên Nguyễn Văn Đ.

- Đối với cây hoa giấy là tài sản của gia đình chị N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình chị N là đúng pháp luật.

- Đối với chiếc kéo là tài sản của Đ sử dụng vào việc phạm tội, chiếc kéo không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Xe mô tô biển kiểm soát 35K1-402.29 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Đ với chị M1; chị M1 không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu trị giá 1/2 của xe mô tô phần của bị cáo Đ để sung quỹ Nhà nước, trị giá 1/2 của xe mô tô phần của chị M1 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô thì trả lại cho chị M1

[8] Án phí: Các bị cáo Đ và T đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: - Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

- Hoàng Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Khấu trừ thu nhập hằng tháng của bị cáo Đ và bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo là 5% để tích thu sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã

Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Đ, gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Đ, bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 kéo cắt tỉa cành. Tịch thu trị giá một phần hai của xe mô tô Hoda Wave màu trắng đen bạc, số khung 3918KY361429, số máy JA39E1228521, biển kiểm soát 35K1-402.29 phần của bị cáo Nguyễn Văn Đ để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho chị Nguyễn Thị M1 trị giá một phần hai của xe mô tô Hoda Wave màu trắng đen bạc, số khung 3918KY361429, số máy JA39E1228521, biển kiểm soát 35K1-402.29 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 040699 mang tên Nguyễn Văn Đ, do Công an huyện Kim Sơn cấp ngày 01/11/2019, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Hoàng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Công an huyện Y
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Lực